

CÔNG TY CỔ
PHẦN - VIỆN
NGHIÊN CỨU
DỆT MÀY P

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN
NGHIÊN CỨU DỆT MÀY
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MÀY,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100100294
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022-03-07 11:21:31
Foxit Reader Version: 10.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MÀY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

478 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng Cân đối kế toán | 6 - 7 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | 9 |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính | 10 - 28 |

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

478 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Viện Dệt May được thành lập theo Quyết định số 24/CP ngày 05/02/1969 của Hội đồng Chính phủ, tên ban đầu là Viện Công nghiệp Dệt và Sợi. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định 4553/QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương và được xác định giá trị doanh nghiệp lần thứ nhất theo Quyết định 1814/QĐ-BCT ngày 22/5/2017 về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 49/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp. Công ty là đối tượng được áp dụng Nghị định số 13/NĐ/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTUTE - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VTRI.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018: 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu VDM.

Trụ sở chính của Công ty tại số 478 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|----------------------------|
| Ông Phạm Văn Lượng | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Bà Nguyễn Diệp Linh | Thành viên |
| Bà Bùi Thị Thái Nam | Thành viên |
| Ông Vũ Huy Đông | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Thông | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|---|
| Ông Nguyễn Sỹ Phương | Giám đốc (Thôi điều hành từ 01/5/2021; Nghi hưu từ 01/8/2021) |
| Ông Bùi Tiến Thanh | Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/5/2021) |
| Bà Nguyễn Diệp Linh | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/5/2021) |
| Bà Bùi Thị Thái Nam | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/5/2021) |
| Ông Lê Đại Hưng | Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh |

Ban Kiểm soát

| | |
|--------------------------|---|
| Bà Phạm Hoàng Minh | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên | Thành viên (Miễn nhiệm từ 23/4/2021) |
| Bà Trần Thị Quỳnh Hoa | Thành viên |
| Bà Ngô Thị Hương | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2021, từ nhiệm từ ngày 14/9/2021) |

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



Phạm Văn Lượng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Số: 071/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông và Ban Lãnh đạo
Công ty cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May, được lập ngày 04 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Huy Thăng

Phó Chủ tịch HĐQT

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Ngọc Châm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---|------------|------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 58.568.395.502 | 28.508.943.428 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 3.143.431.159 | 12.581.979.383 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.143.431.159 | 12.581.979.383 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 28.090.000.000 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5.2 | 28.090.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 24.969.160.058 | 14.778.244.432 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 23.044.985.630 | 12.370.845.156 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 1.916.609.349 | 2.407.399.276 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 7.565.079 | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.356.077.874 | 689.820.931 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.6 | 1.356.077.874 | 689.820.931 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.009.726.411 | 458.898.682 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 493.679.813 | 447.698.619 |
| 2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 5.11 | 516.046.598 | 11.200.063 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250) | 200 | | 19.389.373.372 | 43.659.946.530 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 100.144.203 | - |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5 | 100.144.203 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 19.289.229.169 | 22.159.946.530 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.7 | 19.215.841.669 | 22.128.446.530 |
| - Nguyên giá | 222 | | 70.417.817.217 | 69.438.645.788 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (51.201.975.548) | (47.310.199.258) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.8 | 73.387.500 | 31.500.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 230.530.000 | 178.780.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (157.142.500) | (147.280.000) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | 21.500.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 5.2 | - | 21.500.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 77.957.768.874 | 72.168.889.958 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 22.278.215.835 | 17.703.404.210 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 22.278.215.835 | 17.703.404.210 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.9 | 347.460.416 | 308.128.317 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.10 | 178.660.997 | 174.605.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.11 | 13.121.922.895 | 8.620.103.375 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.801.503.605 | 1.820.710.325 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.12 | 5.970.212.373 | 5.996.576.493 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 858.455.549 | 783.280.700 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | 55.679.553.039 | 54.465.485.748 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.13 | 54.685.119.539 | 54.506.502.318 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.351.950.695 | - |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 3.333.168.844 | 4.506.502.318 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 1.980.498.587 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 3.333.168.844 | 2.526.003.731 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 994.433.500 | (41.016.570) |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | 5.14 | 994.433.500 | (41.016.570) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 77.957.768.874 | 72.168.889.958 |

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Uyên

Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Văn Lượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|----|-----|----------------|----------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 85.521.502.664 | 66.103.933.499 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 85.521.502.664 | 66.103.933.499 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 70.898.793.157 | 51.077.999.535 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 14.622.709.507 | 15.025.933.964 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 1.614.497.456 | 707.582.683 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 5.817 | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | 200.059.553 | 183.233.876 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.4 | 12.459.772.908 | 12.482.550.040 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26) | 30 | | 3.577.368.685 | 3.067.732.731 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 145.221.750 | 180.102 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 96.143.427 | 38.278.914 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 6.5 | 49.078.323 | (38.098.812) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 3.626.447.008 | 3.029.633.919 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 6.7 | 293.278.164 | 503.630.188 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | 3.333.168.844 | 2.526.003.731 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.8 | 667 | 485 |

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Uyên

Kế toán trưởng

Tống Đức Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Văn Lượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| CHỈ TIÊU | MS TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|---------------|------------------------|-------------------------|
| | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 82.721.189.819 | 71.186.692.939 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (63.872.677.401) | (37.136.912.547) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (11.101.609.929) | (12.792.259.708) |
| 4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (853.664.555) | - |
| 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 5.784.850.346 | 15.591.361.607 |
| 6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (12.738.638.134) | (20.301.508.141) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (60.549.854) | 16.547.374.150 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.401.000.000) | (46.545.455) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 53.200.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (62.090.000.000) | (21.500.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 55.500.000.000 | 6.400.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.614.353.253 | 707.582.683 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (6.323.446.747) | (14.438.962.772) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (3.054.551.623) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (3.054.551.623) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (9.438.548.224) | 2.108.411.378 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 12.581.979.383 | 10.473.568.005 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 5.1 | 3.143.431.159 | 12.581.979.383 |

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Nguyễn Thị Thanh Uyên

Tổng Đức Quang

Phạm Văn Lượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May tiền thân là Viện Dệt May được thành lập theo Quyết định số 24/CP ngày 05/02/1969 của Hội đồng Chính phủ, tên ban đầu là Viện Công nghiệp Dệt và Sợi. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định 4553/QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương và được xác định giá trị doanh nghiệp lần thứ nhất theo Quyết định 1814/QĐ-BCT ngày 22/5/2017 về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và công nghệ số 49/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp. Công ty là đối tượng được áp dụng Nghị định số 13/NĐ/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTUTE - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VTRI.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018: 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn Upcom, mã cổ phiếu: VDM.

Trụ sở chính của công ty tại số 478 Phố Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 87 người (tại ngày 31/12/2020 là 90 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Thực hiện chức năng, hoạt động của Công ty chuyên ngành dệt may, cụ thể:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- May trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải;
- Bán buôn vải hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn hóa chất công nghiệp, tơ, xơ, sợi dệt;
- Hoạt động tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội;
- Hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ;
- Hoạt động thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm từ lông thú.
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong những năm gần đây, đại dịch COVID-19 đã gây những ảnh hưởng đáng kể đến toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Doanh thu năm 2021 so với năm 2020 cho thấy có sự tăng trưởng (Doanh thu năm 2021 đạt khoảng 85,5 tỷ, doanh thu năm 2020 đạt 66,1 tỷ) là do Công ty có một số đơn đặt hàng lớn. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận tăng thấp hơn so với tỷ lệ tăng của doanh thu do phát sinh nhiều chi phí khi hoạt động sản xuất trong thời kỳ dịch bệnh diễn biến phức tạp. Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh, hạch toán phụ thuộc.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm ứng dụng được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể:

| | Thời gian khấu hao (năm) |
|---------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 06 - 35 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| Máy móc thiết bị | 03 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 |
| Phần mềm, ứng dụng | 03 - 05 |
| TSCĐ vô hình khác | 03 - 05 |

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của công ty được ghi nhận từ các Hợp đồng hoặc đơn đặt hàng sản xuất, gia công, bán sợi, vải mẫu hoặc từ các dự án nghiên cứu sản xuất vải mẫu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty được ghi nhận từ các Dịch vụ kiểm mẫu, thí nghiệm mẫu, giám định mẫu vải và cấp chứng nhận kết quả.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2021 là năm thứ hai Công ty được miễn thuế đối với thu nhập từ kết quả kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Thuế suất Thuế TNDN đối với các hoạt động khác là 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Lãnh đạo Công ty cho rằng hoạt động chính của Công ty là nghiên cứu, kinh doanh sợi, vải sợi, phụ liệu ngành dệt, may, sản xuất thử nghiệm các mẫu sợi, vải và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 298.629.787 | 115.559.023 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.844.801.372 | 12.466.420.360 |
| Tổng | 3.143.431.159 | 12.581.979.383 |

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn (*) | 28.090.000.000 | 28.090.000.000 | - | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 28.090.000.000 | 28.090.000.000 | - | - |
| Dài hạn | - | - | 21.500.000.000 | 21.500.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | - | - | 21.500.000.000 | 21.500.000.000 |
| Tổng | 28.090.000.000 | 28.090.000.000 | 21.500.000.000 | 21.500.000.000 |

(*) Đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - PGD Minh Khai, tổng số tiền gửi 8.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 4,75%/năm;

Và các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hai Bà Trưng, tổng số tiền gửi 20.090.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 5,9% đến 6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty Đức Giang - Công ty cổ phần | 389.070.000 | 41.547.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG | 248.159.975 | 292.710.275 |
| Công ty TNHH Một thành viên X20 Nam Định | - | 738.330.372 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại dịch vụ Hải Châu JEIL VINA | - | 299.956.800 |
| Công ty TNHH Golf Long Hưng | 14.483.049.467 | - |
| Công ty Cổ phần-26 | 217.635.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu Gia Hưng Phát | - | 383.358.408 |
| Công ty TNHH Giang Nguyên | 291.266.250 | 2.414.832.154 |
| Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoa Tiên | 3.060.793.094 | 3.307.670.740 |
| Công ty TNHH Dệt may Tùng Bách | - | 482.565.270 |
| Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong | 648.697.245 | 684.954.490 |
| Công ty TNHH Dệt may XNK Quang Anh | 526.722.440 | - |
| Công ty TNHH Dệt may Thành Vượng | - | 483.940.234 |
| Công ty TNHH Dệt may Nam Đô | 294.483.024 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Ngọc Việt | - | 442.844.006 |
| Phải thu các đối tượng khác | 2.885.109.135 | 2.798.135.407 |
| Tổng | 23.044.985.630 | 12.370.845.156 |

5.4 Trả trước người bán ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoa Tiên | - | 589.050.000 |
| Jinhe Sodium Hydrosulficate Factory Co.,Ltd | - | 504.387.166 |
| Shanghai Best Water Chemicals Co.,Ltd | 1.166.036.995 | 1.292.805.150 |
| Công Ty TNHH Maersk Việt Nam | - | 21.156.960 |
| Công ty TNHH Khởi Toàn | 297.644.794 | - |
| Công ty TNHH thang máy và thiết bị Thành Tâm | 352.000.000 | - |
| Trả trước các khách hàng khác | 100.927.560 | - |
| Tổng | 1.916.609.349 | 2.407.399.276 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5 Phải thu khác

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|--------------------|-------------------|
| Ngắn hạn | 7.565.079 | - |
| Dài hạn | 100.144.203 | - |
| Ký quỹ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (*) | 100.000.000 | - |
| Lãi tài khoản bảo lãnh | 144.203 | - |
| Tổng | 107.709.282 | - |

(*) Công ty ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thực hiện đề án “Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2021” theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thực hiện đề án số 59/2021/HĐ-CN/CNHT ngày 29/3/2021 được bảo lãnh theo Hợp đồng số 0142BG2100273 ngày 12/4/2021. Giá trị bảo lãnh 50.000.000 đồng. Thời hạn bảo lãnh từ ngày phát hành đến 31/3/2022.
- Hợp đồng thực hiện đề án số 60/2021/HĐ-CN/CNHT ngày 29/3/2021 được bảo lãnh theo Hợp đồng số 0142BG2100274 ngày 12/4/2021. Giá trị bảo lãnh 50.000.000 đồng. Thời hạn bảo lãnh từ ngày phát hành đến 31/3/2022.

5.6 Hàng tồn kho

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|-------------------------------------|-------------------------|----------|--------------------|----------|
| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.006.339.227 | - | 171.994.712 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 66.137.189 | - | 77.895.116 | - |
| Thành phẩm | 283.601.458 | - | 439.931.103 | - |
| Tổng | 1.356.077.874 | - | 689.820.931 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY
478 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP.
Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|-------------------------------|--------------------------|------------------|------------------------|------------------------------|----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2021 | 39.903.381.145 | 26.843.602.759 | 2.110.000.000 | 581.661.884 | 69.438.645.788 |
| Tăng trong năm | - | 1.401.000.000 | - | - | 1.401.000.000 |
| Mua trong năm | - | 1.401.000.000 | - | - | 1.401.000.000 |
| Giảm trong năm | - | - | - | 421.828.571 | 421.828.571 |
| Thanh lý | - | - | - | 421.828.571 | 421.828.571 |
| Số dư tại ngày 31/12/2021 | 39.903.381.145 | 28.244.602.759 | 2.110.000.000 | 159.833.313 | 70.417.817.217 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2021 | 28.476.727.748 | 16.652.983.642 | 1.728.260.960 | 452.226.908 | 47.310.199.258 |
| Tăng trong năm | 1.464.936.360 | 2.525.973.794 | 228.168.816 | 41.631.271 | 4.260.710.241 |
| Khấu hao trong năm | 1.464.936.360 | 2.525.973.794 | 228.168.816 | 41.631.271 | 4.260.710.241 |
| Giảm trong năm | - | - | - | 368.933.951 | 368.933.951 |
| Thanh lý | - | - | - | 368.933.951 | 368.933.951 |
| Số dư tại ngày 31/12/2021 | 29.941.664.108 | 19.178.957.436 | 1.956.429.776 | 124.924.228 | 51.201.975.548 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2021 | 11.426.653.397 | 10.190.619.117 | 381.739.040 | 129.434.976 | 22.128.446.530 |
| Tại ngày 31/12/2021 | 9.961.717.037 | 9.065.645.323 | 153.570.224 | 34.909.085 | 19.215.841.669 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.663.022.699 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 1.006.939.222 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Tài sản cố định vô hình

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-------------------------------|-------------------------|--------------------|
| | Phần mềm ứng dụng | Tổng |
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2021 | 178.780.000 | 178.780.000 |
| Tăng trong năm | 51.750.000 | 51.750.000 |
| Mua trong năm | 51.750.000 | 51.750.000 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2021 | <u>230.530.000</u> | <u>230.530.000</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2021 | 147.280.000 | 147.280.000 |
| Tăng trong năm | 9.862.500 | 9.862.500 |
| Khấu hao trong năm | 9.862.500 | 9.862.500 |
| Giảm trong năm | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2021 | <u>157.142.500</u> | <u>157.142.500</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2021 | <u>31.500.000</u> | <u>31.500.000</u> |
| Số dư tại ngày 31/12/2021 | <u>73.387.500</u> | <u>73.387.500</u> |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 133.780.000 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 133.780.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| Hộ kinh doanh Cửa hàng Kinh doanh vật tư và hóa chất Hải Bình | - | - | 24.390.000 | 24.390.000 |
| Cửa hàng dụng cụ thủy tinh và vật tư chính xác HTH | 309.750.000 | 309.750.000 | - | - |
| Công ty TNHH Thương mại dịch vụ F.G | - | - | 110.748.000 | 110.748.000 |
| Cửa hàng hoá chất và thiết bị 40 Kim Ngưu | - | - | 69.000.000 | 69.000.000 |
| Phải trả người bán khác | 37.710.416 | 37.710.416 | 103.990.317 | 103.990.317 |
| Tổng | 347.460.416 | 347.460.416 | 308.128.317 | 308.128.317 |

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Thanh Sơn | | 39.864.000 |
| Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Dệt 8/3 | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Khách hàng khác | 78.660.997 | 34.741.000 |
| Tổng | 178.660.997 | 174.605.000 |

5.11 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2021 | | Số phải nộp trong năm | | Số đã nộp trong năm | | Đơn vị tính: VND | |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|--|------------------|--|
| | | | | | | | 31/12/2021 | |
| Phải nộp | 8.620.103.375 | 8.856.948.041 | 4.407.521.969 | 13.121.922.895 | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 390.454.277 | 3.848.847.640 | 3.549.857.414 | 689.444.503 | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 507.992.943 | 293.278.164 | 853.664.555 | - | | | | |
| Thuế đất, tiền thuê đất (*) | 7.721.656.155 | 4.710.822.237 | - | 12.432.478.392 | | | | |
| Thuế khác | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - | | | | |
| Phải thu | 11.200.063 | 682.597.072 | 1.695.436.550 | 516.046.598 | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 293.278.164 | 853.664.555 | 52.393.448 | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 11.200.063 | 389.318.908 | 841.771.995 | 463.653.150 | | | | |

(*) Tiền thuê đất phải nộp là khoản tiền thuê đất, thuê mặt nước tạm tính cho giai đoạn từ ngày 10/10/2018 đến ngày 31/12/2021. Công ty đang làm thủ tục xin miễn giảm khoản tiền này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | - | 44.620.000 |
| Bộ Công thương - kinh phí thu hồi các dự án (i) | 5.922.070.000 | 5.922.070.000 |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 29.886.493 | 29.886.493 |
| Phải trả khác | 18.255.880 | - |
| Tổng | 5.970.212.373 | 5.996.576.493 |

(i) Khoản kinh phí thu hồi các dự án Công ty phải nộp Quỹ phát triển KCN tập trung theo văn bản số 399/CV-VDM ngày 15/12/2016 của Viện Dệt May và văn bản số 20/CV-PVDM ngày 12/12/2016 của Phân Viện Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác nhận số kinh phí phải nộp thu hồi của Dự án sản xuất thử nghiệm.

5.13 Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động vốn của chủ sở hữu

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|--|------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
| Số dư 01/01/2020 | 50.000.000.000 | - | 2.080.510.296 | 52.080.510.296 |
| Tăng trong năm | - | - | 2.526.003.731 | 2.526.003.731 |
| Lãi trong năm trước | - | - | 2.526.003.731 | 2.526.003.731 |
| Giảm trong năm | - | - | 100.011.709 | 100.011.709 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc Giảm khác | - | - | 100.000.000 11.709 | 100.000.000 11.709 |
| Số dư tại 31/12/2020 | <u>50.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>4.506.502.318</u> | <u>54.506.502.318</u> |
| Số dư tại 01/01/2021 | 50.000.000.000 | - | 4.506.502.318 | 54.506.502.318 |
| Tăng trong năm | - | 1.351.950.695 | 3.333.168.844 | 4.685.119.539 |
| Lãi trong năm nay | - | 1.351.950.695 | 3.333.168.844 | 4.685.119.539 |
| Giảm trong năm | - | - | 4.506.502.318 | 4.506.502.318 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Trích quỹ Đầu tư phát triển (*) | - | - | 1.351.950.695 | 1.351.950.695 |
| Chia cổ tức (*) | - | - | 3.054.551.623 | 3.054.551.623 |
| Số dư tại 31/12/2021 | <u>50.000.000.000</u> | <u>1.351.950.695</u> | <u>3.333.168.844</u> | <u>54.685.119.539</u> |

(*) Công ty phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 366/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2021 ngày 23/4/2021; Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường số 879/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2021 ngày 01/10/2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 893/NQHĐQT-VTRI ngày 08/10/2021. Theo đó, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và quản lý Công ty là 100.000.000 đồng; Quỹ đầu tư phát triển 1.351.950.695 đồng; và tổng giá trị cổ tức chi trả 3.054.551.623 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
| Bộ Công thương | 2.872.700 | 57,45% | 2.872.700 | 57,45% |
| Công ty Cổ phần DamSan | 1.500.000 | 30,00% | 1.500.000 | 30,00% |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 627.300 | 12,55% | 627.300 | 12,55% |
| Tổng | 5.000.000 | 100% | 5.000.000 | 100% |

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Vốn góp tại đầu năm | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp tại cuối năm | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 4.506.502.318 | 100.000.000 |

d. Cổ phiếu

| | Năm 2021 Cổ phiếu | Năm 2020 Cổ phiếu |
|---|----------------------|----------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

5.14 Nguồn kinh phí

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang | (41.016.570) | 1.226.559.230 |
| Nguồn kinh phí được cấp trong năm | 5.344.838.870 | 6.322.107.800 |
| Chi sự nghiệp | 4.309.388.800 | 7.589.683.600 |
| Nguồn kinh phí còn lại cuối năm | 994.433.500 | (41.016.570) |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng | 53.619.355.068 | 25.051.027.712 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 31.902.147.596 | 41.052.905.787 |
| Tổng | 85.521.502.664 | 66.103.933.499 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng bán | 51.398.689.938 | 23.914.897.850 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 19.500.103.219 | 27.163.101.685 |
| Tổng | 70.898.793.157 | 51.077.999.535 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--------------|----------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi | 1.614.497.456 | 707.582.683 |
| Tổng | 1.614.497.456 | 707.582.683 |

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 4.635.328.308 | 5.167.025.013 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 75.770.322 | 35.093.846 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.744.598.947 | 1.778.174.213 |
| Thuế, phí, lệ phí | 4.714.822.237 | 4.410.645.393 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 963.784.074 | 948.275.575 |
| Chi phí khác bằng tiền | 325.469.020 | 143.336.000 |
| Tổng | 12.459.772.908 | 12.482.550.040 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.5 Thu nhập khác/Chi phí khác

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--|-------------------|---------------------|
| Thu nhập khác | 145.221.750 | 180.102 |
| Thanh lý tài sản cố định | 54.200.000 | - |
| Nộp tiền lãi do không thực hiện hợp đồng | 90.000.000 | - |
| Thu nhập khác | 1.021.750 | 180.102 |
| Chi phí khác | 96.143.427 | 38.278.914 |
| Giá trị còn lại của tài sản thanh lý | 52.894.620 | 38.278.914 |
| Tiền chậm nộp thuế | 43.248.807 | - |
| Lợi nhuận khác | 49.078.323 | (38.098.812) |

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 55.338.387.583 | 25.951.397.664 |
| Chi phí nhân công | 12.104.768.169 | 15.170.317.622 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 4.270.572.741 | 5.057.485.065 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.161.364.448 | 6.793.390.498 |
| Chi phí bằng tiền khác | 5.788.070.795 | 5.047.981.953 |
| Tổng | 82.663.163.736 | 58.020.572.802 |

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.626.447.008 | 3.029.633.919 |
| Các khoản điều chỉnh tăng/giảm | 43.248.807 | - |
| <i>Chi phí không được trừ</i> | 43.248.807 | - |
| <i>Thu nhập từ hoạt động KHCN được miễn thuế (*)</i> | 2.203.304.995 | 2.874.805.753 |
| Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.466.390.820 | 154.828.166 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 293.278.164 | 30.965.633 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm 2018 và 2019 vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2020 | - | 472.664.555 |
| Tổng Chi phí Thuế TNDN hiện hành | 293.278.164 | 503.630.188 |

(*) Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | 3.333.168.844 | 2.526.003.731 |
| Các khoản điều chỉnh | | |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i> | - | - |
| <i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i> | - | 100.000.000 |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 3.333.168.844 | 2.426.003.731 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 667 | 485 |

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính số lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý. Việc phân phối lợi nhuận năm 2021 phụ thuộc vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường năm 2022. Nếu công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 thì lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(*) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường năm 2021 số 879/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2021 ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may. Theo đó Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

| | Số đã trình bày trên báo cáo năm trước | Số trình bày lại | Chênh lệch |
|---|--|------------------|---------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | 2.526.003.731 | 2.526.003.731 | - |
| Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý | - | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.526.003.731 | 2.426.003.731 | (100.000.000) |
| Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ | 5.000.000 | 5.000.000 | - |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 505 | 485 | (20) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban giám đốc

Lương, thù lao của Ban lãnh đạo quản lý chuyên trách và quản lý khác

| Họ và tên | Chức vụ | Tiền lương | Thù lao | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| Người quản lý chuyên trách | | 1.206.138.000 | 18.000.000 | 1.224.138.000 | 1.239.708.334 |
| Ông Phạm Văn Lượng | Chủ tịch HĐQT | 322.498.000 | | 322.498.000 | 302.963.091 |
| Ông Nguyễn Sỹ Phương | Giám đốc | 72.501.000 | | 72.501.000 | 275.222.515 |
| Ông Bùi Tiến Thanh | Giám đốc | 260.456.000 | | 260.456.000 | 230.841.455 |
| Ông Lê Đại Hưng | Giám đốc CN | 210.048.000 | | 210.048.000 | |
| Tổng Đức Quang | Kế toán trưởng | 194.640.000 | | 194.640.000 | 215.290.909 |
| Bà Nguyễn Diệp Linh | Phó Giám đốc (công bố thông tin) | 145.995.000 | 18.000.000 | 163.995.000 | 215.390.364 |
| Người quản lý khác | | 473.389.933 | 48.000.000 | 521.389.933 | 726.953.228 |
| Ông Nguyễn Văn Thông | Thành viên HĐQT | 72.608.696 | 12.000.000 | 84.608.696 | 227.490.118 |
| Bà Bùi Thị Thái Nam | Phó Giám đốc | 214.410.237 | 12.000.000 | 226.410.237 | 359.902.292 |
| Ông Vũ Huy Đông | Thành viên HĐQT | | 12.000.000 | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Bà Phạm Hoàng Minh | Trưởng BKS | 186.371.000 | 12.000.000 | 198.371.000 | 127.560.818 |
| Tổng | | 1.679.527.933 | 66.000.000 | 1.745.527.933 | 1.966.661.562 |

b. Giao dịch với các bên liên quan

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|------------------------|------------------|-----------------|-----------------|
| Giao dịch mua | | | |
| Công ty Cổ phần DamSan | Cổ đông lớn | 13.872.720.248 | - |
| Trả cổ tức | | | |
| Bộ Công thương | Cổ đông Nhà nước | 1.754.961.157 | - |

c. Số dư với các bên liên quan

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|----------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| Phải trả khác | | | |
| Bộ Công thương | Cổ đông Nhà nước | 5.922.070.000 | 5.922.070.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT. Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được cập nhật theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt May số 879/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2021 ngày 01 tháng 10 năm 2021 và trình bày lại để phù hợp với số liệu thực tế của Công ty (Thuyết minh Báo cáo tài chính 6.8).

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Uyên

Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Lượng